

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 301/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 05/7/2019
V/v tranh chấp “ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Cẩm Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Hai
2. Bà Phan Thị Cẩm Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Ngày 05 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 322/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1325/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1957; địa chỉ: 9/4 ấp TH, xã M, huyện P, tỉnh Bến Tre (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1956; địa chỉ: 9/4 ấp TH, xã M, huyện P, tỉnh Bến Tre (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà N qua thời gian tìm hiểu, được gia đình tổ chức lễ cưới và về sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1995 và vì không am hiểu pháp luật nên không có thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Ông và bà N không có con chung. Thời gian sống chung ông và bà N thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau từ việc bà N có những lời lẽ xúc phạm ông. Do tình cảm không còn, không thể tiếp tục cuộc sống chung nên ông yêu cầu tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà N, trường hợp tòa xét thấy hôn nhân của ông và bà N không hợp pháp thì đề nghị giải quyết cho ông được chấm dứt mối quan hệ sống chung như vợ chồng với bà N.

- Về con chung: ông T trình bày không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: ông và bà N đã tự nguyện thỏa thuận ông giao cho bà N số tiền 5.000.000 đồng là tài sản chung của hai người nên không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: ông không yêu cầu giải quyết.

Theo nội dung bản khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn T có thời gian tìm hiểu, được gia đình tổ chức lễ cưới rồi về sống chung với nhau nhưng không tiến hành đăng ký kết hôn do không am hiểu pháp luật. Bà và ông T sống chung không có con chung. Thời gian đầu sống hạnh phúc nhưng đến năm 2017 thì bà và ông T phát sinh mâu thuẫn do ông hay nhậu nhẹt, không lo làm ăn, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Nay bà xác định việc sống chung với ông T không còn hạnh phúc và do không có đăng ký kết hôn nên bà đề nghị tòa án không công nhận bà và ông T là vợ chồng.

Về con chung: không có, bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: bà và ông T đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung ông T đã giao cho bà số tiền 5.000.000 đồng nên bà không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: bà không yêu cầu tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, ông yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị N nên đây là tranh chấp “ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn bà Nguyễn Thị N cư trú tại xã Mỹ An, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre do đó căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú.

[3] Về hôn nhân: qua trình bày của ông T và bà N Hội đồng xét xử thấy rằng cả hai đều thống nhất ông bà sống chung với nhau từ năm 1995 và không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Lời trình bày này của ông T và bà N cũng phù hợp với xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Mỹ An, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre về việc ông bà không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ An, là nơi cư trú của ông T và bà N. Xét việc ông T và bà N có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình nhưng sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn do đó không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Vì vậy nay ông T có yêu cầu ly hôn với bà N, bà N cũng đồng ý nên căn cứ theo quy định tại điểm b, khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 09/6/2000, Điều 87 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông T và bà N là phù hợp.

[4] Về con chung: ông T và bà N cùng trình bày không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: ông T và bà N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: ông T thuộc diện người cao tuổi nên được xem xét miễn nộp toàn bộ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 11, Điều 17, Điều 87 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 09/6/2000; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị N.

2. Về con chung: ông T và bà N cùng trình bày không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết

3. Về tài sản chung, nợ chung: ông T và bà N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T được miễn nộp toàn bộ án phí do thuộc diện người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Phan Cẩm Nhung

